

Số: /BC-SKHCN

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

tình hình phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2016-2024 và đề xuất nhu cầu hỗ trợ trong thời gian tới

Thực hiện Công văn số 1885/UBND-KGVX ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Công văn số 1245/BKHCN-ĐP ngày 15/4/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo tình hình phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2016-2024, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị xin báo cáo như sau:

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CHỦ LỰC, SẢN PHẨM ĐẶC THÙ, SẢN PHẨM CÓ LỢI THẾ TẠI ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2024

1. Tình hình xây dựng cơ chế, chính sách về thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

1.1. Tình hình xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025.

- Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

năm 2023.

- Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026.

- Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển một số liên kết chuỗi sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

1.2. Các chương trình, đề án về thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

- Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về phê duyệt Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, tính đến năm 2025.

- Quyết định 954/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm Quảng Trị đến 2025.

- Quyết định 3570/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị phê duyệt Đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 6060/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc khôi phục đàn lợn sau bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

- Kết luận số 168-KL/TU ngày 4/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023.

- Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch hành động số 57/KH-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định 1258/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực và ngành hoa - cây cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

1.3. Tình hình ban hành danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương

a) Danh mục sản phẩm chủ lực

Tại Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025, sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025, gồm có:

- Nhóm cây trồng tạo sản phẩm chủ lực phục vụ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến:

- + Cây Cà phê
- + Cây Cao su
- + Cây Gõ nguyên liệu

- Nhóm cây trồng tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh, mang tính đặc sản vùng miền:

- + Cây Hồ tiêu
- + Cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu
- + Cây Lúa chất lượng cao

- Nhóm các con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh:

- + Con bò
- + Con tôm

b) Danh mục sản phẩm đặc thù, có lợi thế

- Theo Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023, sản phẩm đặc thù, có lợi thế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:

- + Lúa chất lượng cao
- + Cà phê
- + Hồ tiêu
- + Cây ăn quả: cam, bưởi, bơ, chanh leo trồng theo hướng hữu cơ
- + Dược liệu: Nghệ, chè vằng, sả, cà gai leo, an xoa, dây thìa canh, trà gió, sâm bố chính, quế, Bảy lá một hoa, giảo cổ lam, đảng sâm, sâm cau, khô tía
- + Gõ nguyên liệu
- + Con bò

+ Con tôm

- Theo Quyết định 1258/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực và ngành hoa - cây cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, sản phẩm đặc thù, có lợi thế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị:

+ Nhóm cây ăn quả: Chuối, chanh leo, bơ, cây có múi (cam, bưởi, chanh,...).

+ Nhóm các loại hoa: Hoa hồng, cúc, lay ơn, lily, đồng tiền, thược dược, hướng dương, dạ yến thảo, nhóm hoa lan (hồ điệp, địa lan, lan bản địa...).

+ Nhóm các loại cây cảnh: Mai, sanh, hoa giấy, mẫu đơn,...

b) Danh mục sản phẩm OCOP (có xếp hạng sao)

Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hàng năm các cơ quan đơn vị liên quan đã tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 138 sản phẩm đạt hạng OCOP, trong đó: 95 sản phẩm đạt hạng OCOP 3 sao (chiếm tỷ lệ 68,84%), 43 sản phẩm đạt hạng 4 sao (chiếm tỷ lệ 31,16%).

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

2. Tình hình sản xuất, kinh doanh và giá trị đóng góp của sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016-2024

2.1. Tình hình sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

- Đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế trên các nhân tố:

Giai đoạn 2016-2024, các sản phẩm chủ lực địa phương đã và đang có những tín hiệu tích cực trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới, mặc dù gặp phải những khó khăn, thách thức và cạnh tranh của các sản phẩm trong và ngoài nước, các sản phẩm tinh bột sắn, chuối, gạo chất lượng cao, cao su, dược liệu, cà phê, hồ tiêu, sản phẩm gỗ rừng trồng... đã được thị trường trong nước đón nhận và xuất khẩu ra các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản...

Năm 2023, toàn tỉnh gieo trồng được 81.957,3 ha cây hàng năm, giảm 0,94% so với năm trước. Trong đó: cây lúa gieo cấy 50.222,9 ha, giảm 0,47%; cây ngô gieo trồng 4.213,1 ha, giảm 6,49%; khoai lang 1.334,2 ha, giảm 7%; sắn 12.891 ha, tăng 0,87%; lạc 3.111,1 ha, giảm 0,99%; rau các loại 5.452,1 ha, tăng 0,65%; đậu các loại 1.555,9 ha, giảm 3,05%... Sản xuất cây hàng năm năm 2023 được mùa. Tổng sản lượng lương thực có hạt ước tính đạt 305.919,2 tấn, tăng 22,80% (+56.798 tấn) so với năm trước; trong đó: sản lượng lúa 291.315,6 tấn, tăng 23,65% (+55.714,9 tấn); sản lượng ngô 14.598,5 tấn, tăng 8% (+1.081 tấn). Sản lượng khoai lang 10.736,3 tấn, tăng 21,18% (+1.876,8 tấn); sản lượng sắn 208.742,2 tấn, tăng 1,83% (+3.752 tấn); sản lượng lạc 7.039,5 tấn, tăng 26,41% (+1.470,5 tấn); sản lượng rau các loại 57.871,4 tấn, tăng 14,43% (+7.296,6 tấn); sản lượng đậu các loại 1.796 tấn, tăng 19,88% (+297,8 tấn)...

Tổng diện tích cây lâu năm hiện có là 30.828 ha, giảm 1,63% so với cùng thời điểm năm trước; trong đó: cây cao su 18.573,9 ha, giảm 1,21%; cây cà phê 3.695,4 ha, giảm 6,27%; cây hồ tiêu 2.164,5 ha, giảm 0,55%; cây chuối 3.610,9 ha, giảm 2,62%; cây dứa 186,7 ha, giảm 1,50%... Ước tính sản lượng thu hoạch năm 2023: cao su 22.338,1 tấn, tăng 1,66% so với năm trước; cà phê 4.121 tấn, giảm 4,64%; hồ tiêu 2.301,1 tấn, tăng 14,07%; chuối 56.840 tấn, tăng 2,81%; dứa 1.522 tấn, tăng 0,31%...

Ước tính đến 31/12/2023, đàn trâu có 21.060 con, giảm 0,88% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 62.100 con, tăng 0,09%; đàn lợn có 285.450 con, tăng 1,87%; đàn gia cầm có 3.922 nghìn con, tăng 1,22%, trong đó: đàn gà 3.310 nghìn con, tăng 3,09%. Sản lượng thịt hơi xuất năm 2023 ước tính đạt 59.108,8 tấn, tăng 6,54% so với năm trước; trong đó: thịt trâu 850 tấn, tăng 6,92%; thịt bò 3.028 tấn, tăng 3,42%; thịt lợn 37.250 tấn, tăng 8,05%; thịt gia cầm 17.842,3 tấn, tăng 5,77%. Sản lượng trứng gia cầm 53.371 nghìn quả, tăng 1,50%...

Diện tích rừng trồng mới năm 2023 ước tính đạt 11.516,6 ha, tăng 14,03% so với năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán 3.027 nghìn cây, tăng 12,86%; sản lượng gỗ khai thác 1.008.000 m³, giảm 8,86%; sản lượng củi khai thác 194.500 ster, tăng 2,18%...

Sản lượng thủy sản năm 2023 ước tính đạt 35.605 tấn, giảm 0,73% so với năm trước; bao gồm: cá 23.716,4 tấn, giảm 7,43%; tôm 4.176,5 tấn, giảm 25,91%; thủy sản khác 7.712,1 tấn, tăng 67,30%. Cụ thể: sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 7.970,5 tấn, giảm 11,61% so với năm trước; sản lượng thủy sản khai thác 27.634,5 tấn, tăng 2,93%.

Để đạt được những kết quả đó, bên cạnh sự nỗ lực của Cộng đồng doanh nghiệp, người dân còn có sự đóng góp mạnh mẽ từ những cơ chế, chính sách phù hợp, kịp thời của Nhà nước, mặc dù nguồn lực hỗ trợ chưa nhiều nhưng với những chiến lược, định hướng cụ thể đã góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và vị thế các sản phẩm chủ lực địa phương trên thị trường.

Với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ngành đã chú trọng tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đổi mới phương thức tổ chức sản xuất cho người sản xuất, đội ngũ ban quản trị hợp tác xã và lãnh đạo các cấp, góp phần chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

Ngành xác định, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất là yếu tố then chốt góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và quy mô sản xuất nông nghiệp nói chung, các sản phẩm chủ lực nói riêng, góp phần tạo ra các sản phẩm có vị thế khác biệt trên thị trường như Lúa hữu cơ, Lúa canh tác tự nhiên; các sản phẩm chế biến từ thảo dược như Tralavang, Cagali, Giảo cổ lam, Đông trùng hạ thảo Sa Mù, Lan kim tuyến, Dây thìa canh...; các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao như Lan Hồ điệp Sa Mù, Dâu tây Sa Mù...; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất các loại chế phẩm vi sinh phục vụ sản

xuất nông nghiệp như Compo-QTMIC, Tricho-Pseu, Nitro-QTMIC, Perfect-QTMIC, Bio-QTMIC, Pro-QTMIC; Cà phê Khe Sanh; Hồ tiêu Vĩnh Linh...

- Đánh giá số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trên địa bàn trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương (Phân theo lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, khác); Quy mô sản xuất (từ siêu nhỏ đến siêu lớn); Mô hình sản xuất, kinh doanh:

Đến nay, toàn tỉnh có 309 HTX nông nghiệp (tăng 21 HTX so với năm 2022) và 02 LHHTX nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012. Tỷ lệ HTX nông nghiệp được đánh giá khá tốt chiếm trên 58%, Số lượng HTX tham gia vào chuỗi giá trị ngày càng tăng, đến nay có 21% HTX có tham gia chuỗi giá trị liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm cho xã viên. Hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG.

- Đánh giá tác động từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế đối với việc tạo công ăn việc trên địa bàn; tác động đối với nguồn cung nguyên vật liệu; tác động đối với các ngành nghề phụ trợ, dịch vụ:

Việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực đã tạo công ăn, việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn, nhất là lao động trực tiếp trong sản xuất trên đồng ruộng, các nhà máy sơ chế chế biến, góp phần tạo thu nhập ổn định cho lực lượng lao động trên địa bàn. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động sản xuất cũng đã thu hút nhiều lực lượng lao động thời vụ, nhàn rỗi trên địa bàn. Ngoài ra, việc thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực đã tạo ra nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến nông lâm thủy sản của tỉnh như lúa gạo chế biến bún, bánh; gỗ rừng trồng làm dăm, viên nén, đồ mỹ nghệ; các sản phẩm chế biến từ thảo dược như Tralavang, Cagali, Giảo cổ lam, Đông trùng hạ thảo Sa Mù, Lan kim tuyến, Dây thìa canh...; các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao như Lan Hồ điệp Sa Mù, Dâu tây Sa Mù...; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất các loại chế phẩm vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp như Compo-QTMIC, Tricho-Pseu, Nitro-QTMIC, Perfect-QTMIC, Bio-QTMIC, Pro-QTMIC; Cà phê Khe Sanh; Hồ tiêu Vĩnh Linh... góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đóng góp tích cực cho tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế tỉnh nhà.

2.2. Tình hình quảng bá và tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

Năm 2023, tỉnh Quảng Trị đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp 05 văn bằng nhãn hiệu tập thể: Gạo bát đỏ Vĩnh Giang, Ném Như Lệ, Cam Thượng Phước, Gạo Ra dư ĐakRông, Ném Đồng Văn và 37 văn bằng nhãn hiệu thông thường.

Ngoài ra, Sở Khoa học Công nghệ đang phối hợp triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thực hiện từ

năm 2022 “Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị”. Đến thời điểm hiện tại, đã đăng ký bảo hộ được 02 chỉ dẫn địa lý (Tiêu Quảng Trị và Chè Vàng Quảng Trị), 06 nhãn hiệu chứng nhận và 59 nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm hàng hóa đặc trưng, thế mạnh của các địa phương. Đây nla những thuận lợi rất lớn cho việc thương mại, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương.

Bên cạnh việc thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của địa phương theo hình thức truyền thống thông qua các doanh nghiệp, thương lái thu gom, các cơ sở chế biến... thì nhằm hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, hàng hóa, thời gian qua, Hội Nông dân tỉnh và Bru điện tỉnh Quảng Trị đã tích cực phối hợp, triển khai nhiều hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt là đưa sản phẩm của nông dân lên sàn thương mại điện tử (TMĐT). Qua đó, góp phần quảng bá, kết nối thị trường cho các sản phẩm OCOP và nông sản chủ lực của địa phương.

Thực hiện kế hoạch hợp tác giữa Hội Nông dân tỉnh và Bru điện tỉnh về hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023, Hội Nông dân và Bru điện tỉnh đã phối hợp thu thập thông tin của khoảng 10.000 hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn giao dịch TMĐT Postmart (nay đổi tên là Buudien.vn). Lòng ghép vào các hội nghị, tập huấn, đào tạo, sự kiện của Hội Nông dân để tập huấn về các kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh trên sàn TMĐT Buudien.vn cho hơn 1.050 hộ nông dân.

Ngoài ra, hàng năm các sở, ngành, địa phương hỗ trợ Tổ chức, tham gia các sự kiện, hội thi, hội chợ, triển lãm, phiên chợ, đoàn giao thương, hội nghị kết nối cung cầu quảng bá, kết nối tiêu thụ nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP trong tỉnh, trong nước và ngoài nước; tham gia các hội thi nông sản đặc sản được tổ chức trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên các sản phẩm như cà phê đặc sản, hồ tiêu hữu cơ, gạo hữu cơ; Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm kết nối vào các chuỗi cung ứng; Hỗ trợ tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu hàng hóa; thiết kế nhận diện thương hiệu; xây dựng đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm; In ấn bao bì, nhãn mác, tạo hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng và áp dụng hệ thống ISO cho lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm...

3. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2016-2024

Giai đoạn 2016-2024, có khá nhiều chương trình, dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh được triển khai tại địa phương, cụ thể như:

- Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị”.

- Dự án “Ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể, phục vụ nuôi trồng, chế biến nấm theo chuỗi giá trị cho người dân vùng cát ven biển chịu

ảnh hưởng sự cố môi trường biển và miền núi tỉnh Quảng Trị”.

- Dự án “Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan Hồ điệp, hoa Lily tại Quảng Trị”.

- Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất các sản phẩm Đông trùng hạ thảo (*Cordyceps militaris*) tại tỉnh Quảng Trị”.

Các chương trình, đề án hỗ trợ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương về cơ bản đã góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, ngành nông lâm thủy sản nói riêng. Thông qua các Chương trình, Đề án đã đẩy mạnh phát triển quy trình sản xuất an toàn, bền vững như quy trình hữu cơ, canh tác tự nhiên, GAP, an toàn thực phẩm...; Nâng cao năng lực và tư duy sản xuất của người dân, đổi mới phương thức tổ chức sản xuất quy mô nhỏ lẻ lên quy mô hàng hoá, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản... từng bước tạo dựng thương hiệu thực phẩm, nông sản, dược liệu Quảng Trị như Lan Hồ điệp Sa Mù, Dâu tây Sa Mù, Đông trùng hạ thảo Sa Mù, Tralavang, Cagali, Giảo cổ lam Côn Cỏ, Hồ tiêu Vĩnh Linh, Gạo hữu cơ, Cà phê Khe Sanh...

4. Đánh giá chung

4.1. Kết quả đạt được

Khoa học và Công nghệ đã tác động tích cực vào tất cả các lĩnh vực sản xuất, góp phần đổi mới phương thức tổ chức sản xuất theo hướng năng suất, chất lượng, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần tích cực vào việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Đã tập trung đổi mới, cải tạo giống cây trồng, vật nuôi góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm chủ lực, có lợi thế của địa phương. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao có hiệu quả các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống góp phần giúp người dân trên địa bàn nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao vào sản xuất đã có bước phát triển mới, với các giải pháp như: nhà màng, nhà lưới, tưới tiết kiệm, công nghệ thủy canh, nuôi tôm 2, 3 giai đoạn, giống lâm nghiệp nuôi cấy mô đã góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Công tác ứng dụng, nghiên cứu phát triển, chuyển giao các công nghệ chủ chốt của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp được triển khai thực hiện có hiệu quả. Các mô hình sản xuất thử nghiệm tập trung vào các loại hoa cao cấp, có giá trị cao như: Hoa Lan Hồ Điệp, Hoa Tulip, Hoa Lily...; các loại rau quả cao cấp như: Dâu tây, Cà chua siêu ngọt...

Ứng dụng khoa học và công nghệ các sản phẩm chế biến từ thảo dược như Tralavang, Cagali, Giảo cổ lam, Đông trùng hạ thảo Sa Mù, Lan kim tuyến, Dây thìa canh...

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi

trường biên tỉnh Quảng Trị.

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất các loại chế phẩm vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp như Compo-QTMIC, Tricho-Pseu, Nitro-QTMIC, Perfect-QTMIC, Bio-QTMIC, Pro-QTMIC...

Bên cạnh đó, ngành đã phối hợp đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất; công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ được các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả; các chương trình cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, dự án liên kết sản xuất tiếp tục đem lại hiệu quả thiết thực; các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP... ngày càng tăng; nhiều sản phẩm nông nghiệp đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp nhãn hiệu; phương thức chăn nuôi được chuyển dịch đúng hướng, từ nhỏ lẻ sang trang trại tập trung, gắn với đầu tư chuồng trại, trang thiết bị hiện đại; công tác trồng rừng cây gỗ lớn, gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) được quan tâm, đẩy mạnh; ứng dụng công nghệ cao trong khai thác thủy sản tiếp tục được tăng cường, nhất là khâu bảo quản sản phẩm sau khai thác; cơ sở hạ tầng nghề cá, các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách và đề án nhằm phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương và đạt nhiều kết quả tích cực... Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp được duy trì ổn định qua các năm, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương (GRDP).

4.2. Tồn tại, hạn chế

- Kinh tế nông nghiệp của tỉnh phát triển chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng; sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, chưa mang tính hàng hóa, hiệu quả chưa cao, chưa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chưa có thương hiệu, nhãn hiệu vẫn còn phổ biến, khiến thu nhập của người nông dân vẫn còn thấp, chưa ổn định.

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa hình thành được nhiều vùng nguyên liệu tập trung để thu hút đầu tư các ngành nghề chế biến nông sản, tham gia sâu vào chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ biến nông sản. Bên cạnh đó, năng lực của doanh nghiệp và HTX trong việc hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp còn hạn chế, nhất là tổ chức đầu ra cho nông sản; sản xuất nông nghiệp còn mang nặng tính cá thể, manh mún, ảnh hưởng đến việc tổ chức liên kết, hình thành chuỗi giá trị để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và thu nhập cho nông dân.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mới chỉ diện hẹp trên một số sản phẩm và rất hạn chế. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đủ mạnh, thiếu tính đồng bộ; môi trường kinh doanh, khởi nghiệp doanh nghiệp chưa hấp dẫn; thủ tục hành chính tuy có cải cách nhưng chưa thực sự thông thoáng; Hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ hoặc siêu nhỏ, tiềm lực yếu, giá trị đóng góp vào GDP vẫn còn hạn chế.

- Hoạt động quảng bá, xúc tiến, vận động chưa có chiều sâu, thiếu đồng

bộ và thiếu tính chiến lược. Các hình thức xúc tiến đầu tư thực hiện với quy mô chưa sâu rộng, thiếu tính chuyên nghiệp và còn mang tính bị động.

4.3. Nguyên nhân

- Quảng Trị là một tỉnh nghèo, nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và ứng dụng KH-CN vào sản xuất hàng năm ít, trong khi chi phí ứng dụng KH-CN vào sản xuất khá cao, bên cạnh đó việc đầu tư vẫn còn dàn trải, chưa tập trung nên các hạng mục cơ sở hạ tầng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất.

- Giá cả thị trường không ổn định, bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi liên tiếp xảy ra, việc mở rộng quy mô sản xuất và nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Chính sách liên kết hợp tác từ khâu sản xuất đến thị trường chưa tạo ra được chuỗi giá trị bền vững, nên đầu ra sản phẩm còn khó khăn.

- Một bộ phận dân cư nông thôn còn nặng tính ỷ lại, trông chờ nên chưa mạnh dạn đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Phương thức sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán đang là lực cản trong quá trình phát triển.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHU CẦU THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM SẢN PHẨM CHỦ LỰC, SẢN PHẨM ĐẶC THÙ, SẢN PHẨM CÓ LỢI THẾ TẠI ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Những vấn đề đặt ra để phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế địa phương giai đoạn 2026-2035

1.1. Thuận lợi

- UBND tỉnh đã ban hành các chính sách để hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế địa phương.

- Công tác xây dựng phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế địa phương luôn được các địa phương quan tâm triển khai thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau.

1.2. Khó khăn, thách thức

- Quy mô sản xuất còn ở quy mô hộ gia đình nên khó ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ cao trong sản xuất.

- Chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, điều kiện thời tiết thay đổi bất thường, giá cả không ổn định,... đã tác động bất lợi đến sản xuất.

2. Quan điểm về thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ nhằm phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2026-2035

- Phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương phải gắn liền với thị trường tiêu thụ, phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, nâng cao khả năng cạnh

tranh của sản phẩm.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông sản ứng dụng công nghệ hiện đại, dẫn dắt chuỗi nông sản. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

- Tập trung tổ chức sản xuất, tăng quy mô, kết nối hộ nông dân, xây dựng chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, các doanh nghiệp đầu tàu dẫn dắt chuỗi giá trị. Tăng đầu tư cho KH&CN, coi đó là động lực cho nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất và tăng trưởng của ngành. Tập trung cải thiện khâu sau thu hoạch nhất là khâu bảo quản nông sản, chế biến sâu.

- Cơ cấu lại nông nghiệp theo vùng nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa Quảng Trị với các địa phương trong vùng; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tăng cường năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại đảm bảo kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ, ứng dụng thương mại điện tử, nâng cao khả năng kết nối sản xuất - thị trường; thúc đẩy sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn chứng nhận (hữu cơ, VietGAP các loại, sản xuất sản phẩm OCOP) gắn với liên kết và tiêu thụ sản phẩm, ưu tiên liên kết chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Tăng cường hỗ trợ, hình thành các mô hình, dự án đầu tư phát triển du lịch cộng đồng gắn với phát triển nông nghiệp, dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp (Homestay, Farmstay...).

- Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ nông sản cả trong nước và tái cơ cấu thị trường xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển và tái cơ cấu thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường xuất khẩu chính ngạch các sản phẩm chủ lực. Tích cực đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu, giữ ổn định các thị trường truyền thống, tìm kiếm và mở rộng các thị trường tiềm năng; hạn chế thấp nhất sự phụ thuộc vào một số thị trường nhất định. Triển khai tích cực, khai thác hiệu quả cơ hội của các Hiệp định tự do thương mại đem lại, tăng cường các hoạt động phát triển thị trường.

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách đủ mạnh (có chính sách bảo hiểm nông nghiệp) để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh.

- Nghiên cứu khai thác du lịch trải nghiệm có sự kết nối giữa các mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp, nông thôn mới với các điểm tham quan, du lịch, di tích của tỉnh.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương giai đoạn 2026-2035

3.1. Mục tiêu

Phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương, chuyển từ số lượng sang chất lượng, phù hợp thị trường tiêu thụ, theo hướng tập trung, an toàn và bền vững, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp, cụ thể:

- Tập trung chuyển đổi cây trồng, mùa vụ, tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tăng cường đầu tư thâm canh, chuyên canh, sử dụng giống mới, kỹ thuật công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm sạch, an toàn, có giá trị kinh tế cao, sức cạnh tranh lớn. Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất; khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động để phát triển cây trồng chủ lực. Hình thành một số vùng sản xuất tập trung, cánh đồng lớn gắn với ứng dụng công nghệ cao và liên kết theo chuỗi giá trị và gắn với công nghiệp chế biến. Ổn định diện tích gieo trồng lúa 45.500 ha/năm, trong đó lúa chất lượng cao đạt 35.000 ha. Diện tích lúa sản xuất theo hướng hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm, có chứng nhận đạt 2.500 ha; Cánh đồng lớn 7.000 ha, Diện tích có liên kết 3.000 ha; Diện tích áp dụng công nghệ cao 1.000 ha. Đến năm 2030, có ít nhất 10 vùng sản xuất được công nhận vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các sản phẩm nông sản chủ lực, có lợi thế cạnh tranh. Ổn định diện tích các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, hồ tiêu... Phấn đấu diện tích cây ăn quả đạt 10.000 ha; mở rộng quy mô sản xuất cây dược liệu (cà gai leo, đinh lăng, chè vằng,...).

- Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại và gia trại tập trung gắn với an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Phấn đấu tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 40% vào năm 2030. Tăng cường cải tạo giống, sử dụng giống mới, nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm đặc biệt là các giống vật nuôi vừa có khả năng kháng bệnh vừa cho hiệu quả kinh tế cao. Khôi phục, phát triển các giống gia súc, gia cầm đặc sản địa phương đáp ứng thị hiếu tiêu dùng của xã hội. Gắn phát triển chăn nuôi với các cơ sở giết mổ, chế biến tập trung. Tích cực tìm thị trường ổn định để tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi.

- Đẩy mạnh phát triển vốn rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp gắn với công tác bảo vệ rừng; duy trì độ che phủ rừng ổn định 49-50%. Tiếp tục phát triển mô hình trồng rừng FSC đến năm 2030 đạt khoảng 30.000ha. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, trồng rừng phòng hộ, rừng sinh thái, cảnh quan. Khai thác gỗ và lâm sản hợp lý đảm bảo tái sinh rừng, tận dụng khai thác các lâm đặc sản đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Thực hiện xã hội hóa nghề rừng, đảm bảo rừng và đất rừng có chủ thực sự, gắn nghề rừng với việc tạo thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

- Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa và ổn định vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo, đóng góp vào tăng trưởng của nền kinh tế, giữ vững an ninh vùng biển, bảo vệ môi trường sinh thái biển. Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh hiện đại, tiếp cận với các thỏa thuận khu vực và qui định quốc tế, đảm bảo cho ngành thủy sản có thể hòa nhập được với xu thế phát triển chung của cả nước, thâm nhập ổn định vào thị trường thế giới và hội nhập quốc tế. Chú trọng phát triển nuôi tôm theo công nghệ mới, cung cấp đủ nguyên liệu cho nhà máy chế biến trên địa bàn.

3.2. Phương hướng và nhiệm vụ giải pháp thực hiện thời gian đến

- Tăng cường công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng

các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhân rộng các mô hình mới, hiệu quả vào sản xuất nông nghiệp theo hướng đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển bền vững của ngành, góp phần giảm chi phí đầu vào, nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị sản xuất, nâng tầm một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tập trung đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp... Trong đó chú ý hỗ trợ đầu tư các dự án sản xuất trồng trọt công nghệ cao, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục rà soát, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách và đề án đã ban hành.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp, nông thôn, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tâm huyết với ngành.

- Tập trung, đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 71-CTr/TU ngày 24/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT, QLCN&ĐMST.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đào Ngọc Hoàng

Phụ lục 1

Danh mục cơ chế, chính sách về thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế của địa phương giai đoạn từ năm 2016 đến nay

TT	Loại văn bản	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					Tỉnh ủy	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	
I	Giai đoạn 2016-2020							
1	Nghị quyết	Chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.	Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND	23/5/2017		x		
2	Quyết định	Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.	Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND	07/9/2017			x	
3	Nghị quyết	Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025.	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND	14/12/2017		x		
4	Nghị quyết	Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND	20/7/2019		x		
II	Giai đoạn 2021-2025							
1	Nghị quyết	Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế	Nghị quyết số 162/2021/NQ-	09/12/2021		x		

TT	Loại văn bản	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					Tỉnh ủy	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	
		cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023.	HĐND					
2	Nghị quyết	Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026.	Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND	09/12/2021		x		
3	Quyết định	Phê duyệt Kế hoạch phát triển một số liên kết chuỗi sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030.	Quyết định số 2784/QĐ-UBND	31/10/2022			x	

Phụ lục 2
Danh mục các chương trình, đề án về thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương giai đoạn 2016-2024

TT	Chương trình/Đề án	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					Tỉnh ủy	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	
I	Giai đoạn 2016-2020							
1	Đề án	Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, tính đến năm 2025.	Quyết định số 837/QĐ-UBND	24/4/2017			x	
2	Kế hoạch	Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm Quảng Trị đến 2025.	Quyết định 954/QĐ-UBND	11/5/2018			x	
3	Đề án	Đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030.	Quyết định 3570/QĐ-UBND	23/12/2019			x	
4	Quyết định	Khôi phục đàn lợn sau bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.	Quyết định 6060/QĐ-UBND	31/12/2020			x	
II	Giai đoạn 2021-2025							
1	Kết luận	Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Kết luận số 168-KL/TU	4/11/2021	x			
2	Nghị quyết	Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023.	Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND	09/12/2021		x		

TT	Chương trình/Đề án	Trích yếu văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành			Ghi chú
					Tỉnh ủy	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	
3	Kế hoạch	Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Kế hoạch số 30/KH-UBND	22/02/2022			x	
4	Kế hoạch	Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Kế hoạch hành động số 57/KH-UBND	30/3/2022			x	
5	Quyết định	Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Kế hoạch số 58/KH-UBND	30/3/2022			x	
6	Quyết định	Ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực và ngành hoa - cây cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.	Quyết định 1258/QĐ-UBND	19/6/2023			x	

Phụ lục 3
Danh mục các sản phẩm OCOP tại địa phương

TT	Phân cấp	Nhóm sản phẩm	Tên sản phẩm	Quyết định ban hành (số, ký hiệu, ngày tháng ban hành, trích yếu)	Xếp hạng sản phẩm*					Ghi chú
					Hạng 1 sao	Hạng 2 sao	Hạng 3 sao	Hạng 4 sao	Hạng 5 sao	
<i>I</i>		<i>Thực phẩm</i>								
1			Bánh ít lá gai Sáu Nhàn	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2021 (đợt 1)			X			
2			Bánh lọc Huệ				X			
3			Ruốc bột Bà Vầy				X			
4			Bột lọc tươi nhồi sẵn				X			
5			Hạt sen tươi				X			
6			Hạt sen Khô				X			
7			Tim sen				X			
8			Gà Cù Lát				X			
9			Trà túi lọc chè vằng Bé Xịn				X			
10			Trà túi lọc cà gai leo Bé xịn				X			
11			Bột gừng sấy lạnh				X			
12			Cao lạt tiên				X			
13			Trà gạo lứt				X			
14			Măng tươi thanh trùng (Măng Alay)				X			
15			Măng tươi thanh trùng (Măng bát độ)				X			
16			Măng khô nấu ngay				X			
17			Cao dây thìa canh Sundo				X			
18			Gạo Bắc thơm số 7				X			
19			Măng sấy khô				X			

20			Ném Hải Dương				x			
21			Bánh Tét mặt trăng Đại An Khê				x			
22			Dầu mè nguyên chất Super Green					x		
23			Cao chè vằng Sundo					x		
24			Cao cà gai leo Sundo					x		
25			Trà đậu đen xanh lòng hoa nhài					x		
26			Khe sanh coffee (dạng hạt rang)					x		
27			Nước mắm Mỹ Thủy	Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2021 (đợt 2)			x			
28			Bột đậu xanh Vĩnh Giang				x			
29			Khe Sanh Coffee (dạng bột 100% Arabica)					x		
30			Bơ đậu phụng Super Green				x			
31		Bánh chưng Đồng Nội	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2022			x			
32			Mắm ruốc				x			
33			Mắm cá rô				x			
34			Cao Đinh lăng Nguyễn Thị Dung				x			
35			Cao An xoa Nguyễn Thị Dung				x			
36			Cao chè vằng Nguyễn Thị Dung				x			
37			Ngũ cốc Hải Linh				x			
38			Muối lạt rong biển				x			
39			Bột Sen Quê dinh dưỡng				x			

40			Bột tía tô sấy lạnh	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2022			X			
41			Chuối sấy dẻo				X			
42			Tinh bột nghệ nguyên chất					X		
43			Măng muối chua				X			
44			Măng dầm tỏi ớt				X			
45			Trà Diệp Thảo Đan				X			
46			Thanh long ruột đỏ				X			
47			Chuối tiêu Cam Hiếu				X			
48			Mứt Chanh leo sấy dẻo				X			
49			Nước mắm biển Mỹ An					X		
50			Ta Lư coffee (cà phê bột)					X		
51			Ta Lư coffee (cà phê hạt)					X		
52			Cao An xoa					X		
53			Trà Diếp cá					X		
54			Trà Tía tô					X		
55			Trà Cần tây					X		
56			Trà rau má					X		
57			Trà Mướp đắng					X		
58			Trà Cà gai leo					X		
59			Trà Lạc tiên tâm an					X		
60			Bánh quy tinh bột ngô					X		
61			Bánh quy tinh bột nghệ					X		
62			Dầu lạc nguyên chất Super Green					X		
63			Năng - cà phê rang xay dạng bột					X		
64			Trà thảo tiên thảo					X		

65			Trà trinh nữ				x			
66			Bột Tía tô Đông Triều					x		
67			Bột diếp cá Đông Triều					x		
68			Bột rau má Đông Triều					x		
69			Miến Tía tô Đông Triều					x		
70			Miến nghệ Đông Triều					x		
71			Hạt tiêu Cù					x		
72			Gạo sạch Triệu Phong					x		
73			Chả heo Nguyễn Khương	Quyết định số 3561/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Triệu Phong			x			
74		Ngũ cốc cao cấp Trần Lan				x				
75		Bánh cốm gạo lứt mè quê				x				
76		Nước mắm Gia Đăng				x				
77		Bột bánh canh tươi				x				
78		Bún sạch Vạn Linh				x				
79		Đông trùng Hạ thảo QT-TECH				x				
80			Chuôi sấy Chánh Nhung	Quyết định số 4385/QĐ-UBND của UBND huyện Hướng Hóa			x			
81			Miến ngũ sắc Loan Hảo	Quyết định số 3989/QĐ-UBND của UBND huyện Vĩnh Linh			x			
82			Nước mắm Khai Hà	Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND huyện Gio Linh			x			
83			Gạo Gio Quang				x			
84			Nước mắm Tùng Vân	Quyết định số 3348/QĐ-UBND của UBND huyện Vĩnh Linh			x			
85			Ngũ cốc tinh nghệ dinh dưỡng				x			
86			Mật Ong nguyên chất Rú Lịnh				x			

87			Chuối sấy dẻo	Quyết định số 4385/QĐ-UBND của UBND huyện Hướng Hóa			x			
88			Trà bí đao				x			
89			Cao cà gai leo Mai Thị Thủy	Quyết định số 66/QĐ-UBND của UBND huyện Cam Lộ			x			
90			Cao dây thìa canh				x			
91			Cao An xoa				x			
92			Ném chua Thanh An				x			
93			Mật Ong Khe Lòn				x			
94			Ồi Khánh Hà				x			
95			Cao Thìa canh				x			
96			Tinh bột nghệ Cù				x			
97			Trứng gà Cù vi sinh				x			
98			Yến hũ chưng sẵn		Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND TP Đông Hà			x		
99			Tổ yến sạch				x			
100			Cốm gạo lứt				x			
101			Cao chè vằng Bé Xịn				x			
102			Cao Cà gai leo bé Xịn			x				
103			Cà phê Bốn Phương	Quyết định số 4385/QĐ-UBND của UBND huyện Hướng Hóa			x			
104			Ném Như Lệ	Quyết định số 128/QĐ-UBND của UBND TX Quảng Trị			x			
105			Chuối lùn bản địa khu vực Tà Rụt	Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND Huyện Đakrông			x			
106			Dưa hấu Mò Ó				x			
107			Trà Tía tô	Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND Huyện Đakrông			x			
108			Tương ớt Hải Phong	Quyết định số 1446/QĐ-UBND			x			

109			Ốt bột Hải Định	của UBND huyện Hải Lăng			x			
110			Hạt Sen Hải Sơn				x			
111			Cam K4				x			
112			Gạo sạch Hải Lăng				x			
113			Muối đậu sả Phương Anh				x			
114			Cao chè vằng Mai Thị Thủy	Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2023				x		
115			Gạo hữu cơ Quảng Trị					x		
116			Tinh bột nghệ curminreal					x		
117			Trà dây thìa canh bé Xịn	Quyết định số 355/QĐ-UBND của UBND TP Đông Hà			x			
II		<i>Đồ uống</i>								
1			Rượu VENA Kim Long	Quyết định số 128/QĐ-UBND của UBND TX Quảng Trị			x			
2			Rượu chuối mật mốt Làng Hào	Quyết định số 4385/QĐ-UBND của UBND huyện Hướng Hóa			x			
III		<i>Dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu</i>								
1			Cao bô kết thảo dược Nhiên Thảo	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2021 (đợt 1)				x		
2			Bồ kết túi lọc					x		
3			Tinh chất dưỡng da cho mẹ và bé Peamom					x		
4			Tinh dầu trầm ngâm củ nén Mộc San					x		

5		Nước súc miệng thảo dược Herb Spear	Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2021 (đợt 2)				X		
6		Dầu gội bồ kết thảo dược	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2022				X		
7		Thực phẩm bảo vệ sức khỏe cao cà gai leo					X		
8		Tinh dầu trầm Mộc Sơn					X		
9		Xịt dưỡng tóc tinh dầu bưởi Nhiên Thảo	Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2023				X		
10		Cao thảo dược gọi Mộc Mây					X		
11		Tinh dầu trầm Mộc Sương	Quyết định số 3348/QĐ-UBND của UBND huyện Vĩnh Linh			X			
12		Tinh dầu gừng Huyền Thoại	Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND TP Đông Hà			X			
13		Nước cất lá trà Huyền Thoại				X			
14		Nước hoa sen				X			
IV		<i>Thủ công mỹ nghệ</i>							
1		Hương trầm Tâm Phát Côn Tiên	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về việc Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy			X			

				chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2022						
2			Trâm hương cao cấp Trường Sơn	Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND TP Đông Hà			x			
3			Nhang trâm hương sạch	Quyết định số 3561/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Triệu Phong			x			
4			Nhang nụ đuôi muỗi	Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND huyện Gio Linh			x			
5			Hương thảo mộc VT	Quyết định số 3348/QĐ-UBND của UBND huyện Vĩnh Linh			x			
		TỔNG CỘNG	138				43	95		

(*) Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và Quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.